

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Trường:

Tiếng Việt: Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

Tiếng Anh: University of Law, Hue University.

2. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ Trường: Số 20 đường Võ Văn Kiệt, phường An Cựu, thành phố Huế.

Điện thoại: 02343. 821135.

Số fax: 02343. 935299.

E-mail: law@hul.edu.vn

Website: hul.edu.vn

3. Loại hình Trường đào tạo: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Luật

Trường ĐHL, ĐHH đã ban hành sứ mạng, giá trị cốt lõi, tầm nhìn đến năm 2030 và các cam kết đào tạo của Trường theo Quyết định 85/QĐ-ĐHL ngày 18/5/2015; sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 338/QĐ-ĐHL ngày 25/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHL, ĐHH, cụ thể:

Sứ mạng: Trường ĐHL, ĐHH là cơ sở đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng về lĩnh vực pháp luật; cung cấp nguồn nhân lực, sản phẩm KHCN có chất lượng cao, tư vấn chính sách pháp luật đáp ứng nhu cầu phát triển của cả nước và khu vực.

Tầm nhìn: Đến năm 2030 là cơ sở giáo dục đại học về lĩnh vực pháp luật trọng điểm trong cả nước và uy tín trong khu vực.

Giá trị cốt lõi: Tư duy - Sáng tạo - Trách nhiệm.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường Đại học Luật:

Trường ĐHL, ĐHH được thành lập theo Quyết định số 274/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 03/3/2015 trên cơ sở nâng cấp Khoa Luật trực thuộc ĐHH để đào tạo

đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực pháp lý có chất lượng, phục vụ phát triển KT-XH khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Tiền thân của Trường ĐHL, ĐHH là Luật Khoa thuộc Viện ĐHH thành lập từ năm 1957. Năm 1975, khi đất nước hoàn toàn thống nhất, Luật Khoa thuộc Viện ĐHH hoàn thành nhiệm vụ đào tạo. Ngày 19/11/1990, Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Huế (nay là Trường Đại học Khoa học) ban hành Quyết định số 304/TCCB thành lập Tổ Pháp lý, sau đó đổi tên thành Bộ môn Pháp lý. Đến ngày 26/01/2000, Giám đốc ĐHH ban hành Quyết định số 20/QĐ-ĐHH-TCNS thành lập Khoa Luật thuộc trường ĐHKH trên cơ sở nâng cấp Bộ môn Pháp lý, trở thành một địa chỉ tin cậy và nòng cốt trong việc đào tạo nguồn nhân lực pháp lý cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Ngày 19/8/2009, Giám đốc ĐHH ban hành Quyết định số 868/QĐ-ĐHH-TCNS thành lập Khoa Luật trực thuộc ĐHH nhằm tăng tính độc lập và tự chủ của Khoa trong việc đào tạo nguồn nhân lực pháp lý đáp ứng kịp thời và hiệu quả công cuộc phát triển KT-XH của khu vực và cả nước.

- Từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 14/5/2014: Khoa Luật trực thuộc ĐHH, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Cơ cấu tổ chức có 03 phòng chức năng (phòng TC - HC, phòng Đào tạo - CTSV, phòng KHCN-MT-HTQT) và 04 bộ môn (Bộ môn Luật Dân sự, Bộ môn Luật Hình sự, Bộ môn Luật Kinh tế Quốc tế, Bộ môn Luật Hành chính Nhà nước).

- Từ 15/9/2014 đến 03/3/2015: Theo Thông tư 08/2014/TT – BGDDT về quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục Đại học thành viên thì Khoa trực thuộc không có tư cách pháp nhân, không có con dấu. Cơ chế pháp lý như một khoa trực thuộc trường đại học. Các phòng chuyển thành các Tổ thuộc Khoa. Phó Giám đốc ĐHH là chủ tài khoản của Khoa và Trưởng Khoa chỉ được ký theo ủy quyền theo văn bản và được quyết định mức chi tài chính dưới 50 triệu đồng.

- Từ ngày 03/3/2015: Trường ĐHL, ĐHH trở thành trường thành viên thuộc ĐHH. Trường ĐHL hoạt động theo Điều lệ trường đại học, Luật Giáo dục đại học 2012, sửa đổi bổ sung năm 2018, Thông tư 10/2020/TT- BGDDT.

Hiện nay, Trường ĐHL, ĐHH có 6 phòng chức năng (Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng KHCN và Hợp tác quốc tế, Phòng ĐT, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Phòng Công tác sinh viên); 5 khoa chuyên môn (Khoa Luật Hành chính, Khoa Luật Hình sự, Khoa Luật Dân sự, Khoa Luật Kinh tế, Khoa Luật Quốc tế) và 3 trung tâm nghiên cứu, phục vụ đào tạo (Trung tâm Tư vấn pháp luật – Đào

tạo ngắn hạn; Trung tâm Thực hành Luật và Khởi nghiệp; Trung tâm Thông tin - Thư viện).

Trường ĐHL, ĐHH thực hiện đào tạo 2 mã ngành đại học (ngành Luật, ngành Luật Kinh tế); 02 mã ngành thạc sĩ (Luật Kinh tế, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật); 01 mã ngành tiến sĩ Luật Kinh tế.

6. Người đại diện pháp luật của Trường: PGS. TS. Đoàn Đức Lương.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: 20 Võ Văn Kiệt, phường An Cựu thành phố Huế.

Điện thoại: 0913.426485

Email: luongdd@hul.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của Nhà trường:

- Quyết định thành lập Trường: Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định công nhận Hội đồng Trường: Nghị quyết 19/QĐ-HĐĐH ngày 11/4/2025 của Chủ tịch Hội đồng Đại học về việc công nhận Hội đồng Trường Đại học Luật, Đại học Huế nhiệm kỳ 2025-2030.

- Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường: Nghị quyết 35/QĐ-HĐĐH ngày 12/6/2025 của Chủ tịch Hội đồng Đại học về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Luật, nhiệm kỳ 2025-2030.

- Danh sách Hội đồng Trường:

Stt	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác
I	Thành viên đương nhiên	
1	Ông Đoàn Đức Lương	PGS.TS, Phó bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học Luật
2	Bà Đào Mộng Điệp	TS, Chủ tịch Công đoàn Trường Đại học Luật
3	Trần Đàm Minh Thương	Sinh viên, Ủy viên BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Luật
II.	Đại diện cơ quan lý cấp trên (Đại học Huế)	
4	Ông Nguyễn Công Hào	TS, Trưởng Ban Thanh tra và Pháp chế Đại học Huế

Stt	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác
III.	Thành viên bầu	
a	Thành viên trong trường	
5	Ông Nguyễn Sơn Hà	TS, Trưởng Phòng KT&BDCLGD Trường Đại học Luật; Thư ký HĐT nhiệm kỳ 2020-2025
6	Ông Cao Đình Lành	TS, Trưởng Phòng KHCN và HTQT Trường Đại học Luật
7	Ông Trần Viết Long	PGS.TS, Trưởng Phòng Đào tạo, Trường Đại học Luật
8	Ông Nguyễn Tài Năng	TS, Trưởng Phòng Kế hoạch – Tài chính Trường Đại học Luật
9	Ông Nguyễn Duy Phương	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật
10	Ông Nguyễn Hồng Sơn	TS, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2020-2025
11	Ông Nguyễn Thanh Tùng	TS, Phó Trưởng khoa Luật Kinh tế Trường Đại học Luật
b	Thành viên ngoài trường	
12	Ông Lê Văn Cao	ThS, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Luật hợp danh FDNV
13	Ông Nguyễn Văn Hưng	ThS, Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố Huế
14	Ông Vũ Văn Minh	ThS, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Huế
15	Ông Nguyễn Trọng Thanh	ThS, Trưởng phòng TCCB, Tổng công ty LICOGI-CTCP

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của Nhà trường:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Nghị quyết 01/NQ-HĐĐH ngày 07/01/2022 về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế nhiệm kỳ 2020-2025 của Giám đốc Đại học Huế.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Nghị quyết 22/NQ-HĐT ngày 06/7/2022 về việc công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế nhiệm kỳ 2020-2025 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên; sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường:

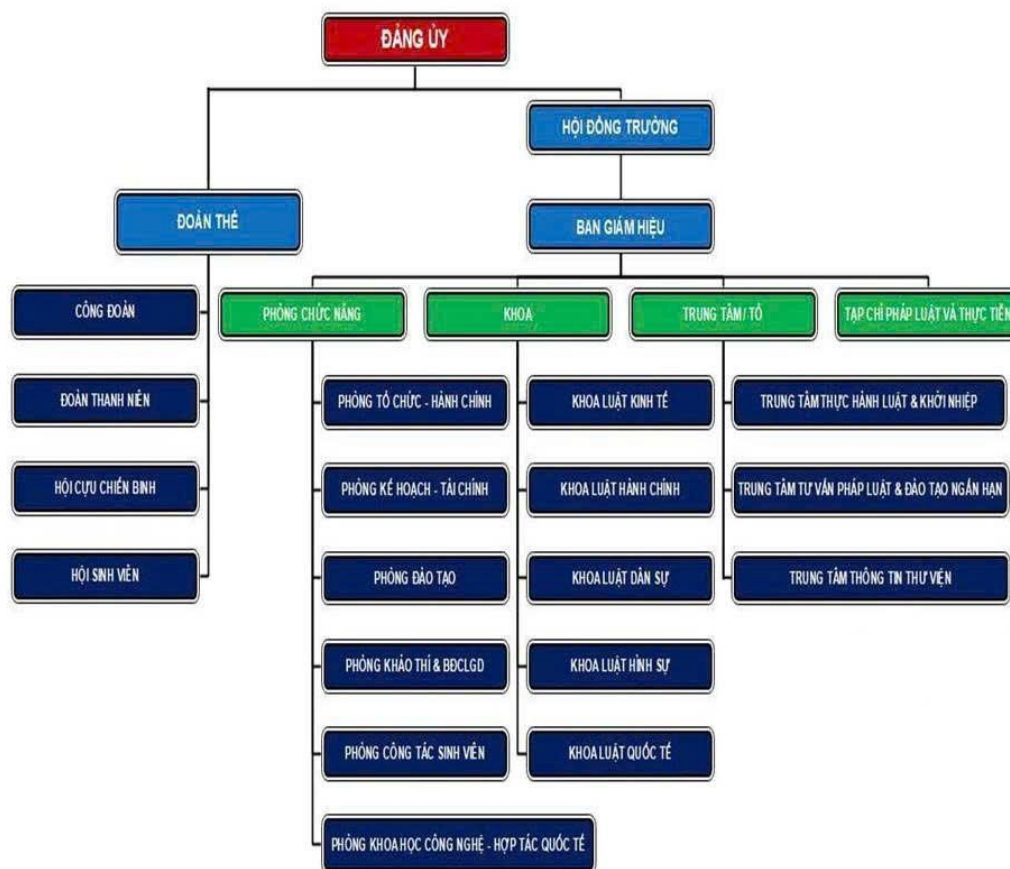
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật: Nghị quyết 14/NQ-HĐT ngày 09/9/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật,

Đai học Huế.

- Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc: Nghị quyết 02/NQ-HĐT ngày 06/01/2022 về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Hội đồng Trường – Đảng ủy – Hiệu trưởng và các đơn vị, tổ chức đoàn thể Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

- Quyết định số 949/QĐ-ĐHL ngày 28/12/2022 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và phối hợp quản lý, điều hành của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường:



e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của Nhà trường

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Ban Giám hiệu	Đoàn Đức Lương	1969	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0913426485	luongdd@hul.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Nguyễn Duy Phương	1966	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	0914006857	phuongnd@hul.edu.vn
3	Hội đồng Trường	Nguyễn Hồng Sơn	1976	Tiến sĩ, Chủ tịch Hội đồng Trường	0913425456	sonnh@hul.edu.vn
Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
4	Đảng uỷ	Nguyễn Hồng Sơn	1976	Tiến sĩ, Bí thư Đảng uỷ	0913426485	luongdd@hul.edu.vn
5	Đoàn Thanh niên	Huỳnh Tây	1993	Thạc sĩ, Bí thư	0973953052	tayh@hul.edu.vn
6	Hội sinh viên	Nguyễn Thanh Bình	1996	Thạc sĩ, Chủ tịch	0387066504	binhnt@hul.edu.vn
7	Công Đoàn	Đào Mộng Điệp	1976	Tiến sĩ, Chủ tịch	0916977567	diepdm@hul.edu.vn
8	Hội Cựu Chiến binh	Nguyễn Trung Kiên	1974	ThS, Trưởng phòng	0914202735	kiennt@hul.edu.vn
Các phòng, ban						
9	TC-HC	Ngô Phước Long	1980	Thạc sĩ, Q. Trưởng phòng	0387668777	longnp@hul.edu.vn
10	CTSV	Nguyễn Trung Kiên	1974	Thạc sĩ, Trưởng phòng	0914202735	kiennt@hul.edu.vn
11	KH-TC	Nguyễn Tài Năng	1978	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0972915599	nangnt@hul.edu.vn
12	KHCN-HTQT	Cao Đình Lành	1973	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0914002427	lanhcd@hul.edu.vn
13	Đào tạo	Trần Viết Long	1986	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng phòng	0932499985	longtv@hul.edu.vn
14	KT&BDCLGD	Nguyễn Sơn Hà	1986	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0905953768	hans@hul.edu.vn
Khoa, trung tâm						

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
15	K. Luật Hành chính	Lý Nam Hải	1987	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0984103667	hailn@hul.edu.vn
16	K. Luật Quốc tế	Nguyễn Thị Hồng Trinh	1983	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0905780320	trinhnth@hul.edu.vn
17	K. Luật Dân sự	Hoàng Thị Hải Yến	1978	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0935849819	yennth@hul.edu.vn
18	K. Luật Hình sự	Nguyễn Ngọc Kiện	1978	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0971634545	kiennn@hul.edu.vn
19	K. Luật Kinh tế	Đào Mộng Điệp	1976	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0916977567	diepdm@hul.edu.vn
20	Trung tâm THL-KN	Lê Thị Thảo	1976	Tiến sĩ, Giám đốc	0905026623	thaolt@hul.edu.vn
21	TT.TVPL và ĐTNH	Lê Thị Hải Ngọc	1969	Tiến sĩ, Giám đốc	0913421866	<u>ngoclth@hul.edu.vn</u>
22	Thông tin thư viện	Ngô Minh Tiến	1987	ThS, Giám đốc Trung tâm	0903516887	tiennm@hul.edu.vn

8. Các văn bản khác của Nhà trường:

- Chiến lược phát triển Trường: Nghị quyết 01/NQ-HĐT của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học luật giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2040.

- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực: Nghị quyết 19/NQ-HĐT ngày 15/10/2024 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc ban hành Chiến lược phát triển nguồn nhân lực Trường Đại học Luật, Đại học Huế giai đoạn 2024-2030.

- Quy chế dân chủ: Quyết định 35/QĐ-ĐHL ngày 02/3/2016 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	26.4	23.3
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	98.2	98.5
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	20.6	22.8

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	223	15	162	40	06	
	Ngành Luật	114	10	77	23	04	
	Ngành Luật Kinh tế	109	05	85	17	02	
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	218	15	161	37	05	
	Ngành Luật	110	10	77	20	03	
	Ngành Luật Kinh tế	108	05	84	17	02	

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	6/2025	2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	09	09
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	37	37
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	20.6	20.6

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Diện tích đất/người học (m2)	19.8	20.1
2	Diện tích sàn/người học (m2)	7.8	5.6
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	72.9	74.7
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	203.2	169.4
5	Số bản sách/người học	50.3	46.9
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	47.1	45.8
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	144.4	144.4

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	20 Võ Văn Kiệt, thành phố Huế	109.900	80.148
Tổng cộng				

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm:

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...		
2	Cải tạo, sửa chữa giảng đường	Trường Đại học Luật	2.439
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...		
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

Kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 1:

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU- CEA).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Mức độ đạt kiểm định: 80,3%

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2:

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long (CEA-THANGLONG).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Mức độ đạt kiểm định: điểm trung bình của các lĩnh vực đạt được như sau:

+ Lĩnh vực BDCL về chiến lược: 3.95.

+ Lĩnh vực BDCL về hệ thống: 4.08.

+ Lĩnh vực BDCL về thực hiện chức năng: 4.03.

+ Lĩnh vực BDCLG về Kết quả hoạt động: 3.79

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 11 tháng 01 năm 2024 đến ngày 11 tháng 01 năm 2029.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7380101	Ngành Luật	Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Luật	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	Từ 30/3/2022 → 30/03/2027
2	7380107	Ngành Luật Kinh tế	Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Luật Kinh tế	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	Từ 30/3/2022 → 30/03/2027
3	8380107	Ngành Luật Kinh tế	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Luật Kinh tế	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	Từ 01/10/2025 → 01/10/2030
4	9380107	Ngành Luật Kinh tế	Chương trình đào tạo Tiến sĩ Luật Kinh tế	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	Từ 01/10/2025 → 01/10/2030

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	97.8%	85.1%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	+0.89%	+1.19%
3	Tỷ lệ thôi học	7,64%	7.82%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	5,24%	6.17%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	94,2%	94.6%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	93%	92.1%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	95,4%	93.5%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	93,7%	91.9%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	93,7%	93.4%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học				
1	Ngành Luật	4073			
	Chính quy	3196	943	374	93.59
	Vừa làm vừa học	877	306	215	
2	Ngành Luật Kinh tế	2766	775	450	
	Chính quy	2766	775	450	93.87
II	Thạc sĩ	722	10	52	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
	Luật Kinh tế	722	10	52	
III	Tiến sĩ	64	0	0	
	Luật Kinh tế	64	0	0	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	2024
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0,7%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,85
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0.03

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm (tính nghiệm thu trong năm 2024 và nửa đầu năm 2025)

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	2	540.000.000
3	Đề tài cấp cơ sở ĐHH (2022-2023; 2023-2024)	18	2.000.000.000
4	Đề tài cấp cơ sở cấp Trường 2024	35	2.730.000.000
5	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
6	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số		5.270.000.000

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	2025
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	36
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	15
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	50
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	22,34%	19.6%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	5,8%	2.4%

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	2024	2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	127.06	108.22
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0	0
II	Thu giáo dục và đào tạo	118.99	99.4
1	Học phí, lệ phí từ người học	118.5	98.85
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	0.49	0.55
III	Thu khoa học và công nghệ	0.57	0.32
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	0.57	0.32
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	7.5	8.5
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	99.05	87.02
I	Chi lương, thu nhập	28.15	29.09
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	19.76	18.68
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	8.39	10.41
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	58.11	47.03
1	Chi cho đào tạo	35.86	30.64
2	Chi cho nghiên cứu	4.29	3.17
3	Chi cho phát triển đội ngũ	1.08	1.2
4	Chi phí chung và chi khác	16.88	12.02
III	Chi hỗ trợ người học	12.79	10.9
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	7.62	5.67
2	Chi hoạt động nghiên cứu	3.92	3.06
3	Chi hoạt động khác	1.25	2.17
IV	Chi khác	0	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	28.01	21.2

Nơi nhận:

- Cục QLCL (để b/c);
- Đại học Huế (để b/c);
- Lưu VT, BĐCLGD.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.Đoàn Đức Lương